

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2. Báo cáo kiểm toán	3 – 4
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- <i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
- <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
- <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
- <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 – 32
- <i>Phụ lục 1</i>	33 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025. 3 870 195 Fax: 025. 3 872 957

Báo cáo của Ban Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xi măng và Xây dựng Công trình Lạng Sơn theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 21/07/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần, mã doanh nghiệp số: 4900102650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 28/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2010.

Công ty có trụ sở chính tại: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty là: 58.389.990.000 đồng (*Năm mươi tám tỷ, ba trăm tám chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty có 01 chi nhánh là : Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản Hồng Phong, có địa chỉ tại xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Hội đồng quản trị Công ty

Ông Nguyễn Bình Sơn	- Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Trọng Hoài	- Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Hải Hậu	- Ủy viên
Bà Hà Thị Mai	- Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Hường	- Ủy viên

Ban Giám đốc Công ty tại thời điểm báo cáo

Ông Nguyễn Bình Sơn	- Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2006
Ông Vũ Trọng Hoài	- Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2006
Bà Nguyễn Thị Xuân Hường	- Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ❖ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ❖ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- ❖ Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- ❖ Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lạng Sơn, ngày 05 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Bình Sơn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn được lập ngày 01 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty, trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

TÙ QUỲNH HẠNH
Số chứng chỉ KTV: 0313/KTV

ĐỖ ĐỨC TUẤN
Số chứng chỉ KTV:0372 /KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195

Fax: 025 3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số: B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		50.081.388.238	49.648.841.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.820.072.750	2.907.374.282
1. Tiền	111	V.01	5.820.072.750	2.907.374.282
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.121.952.730	25.426.533.601
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	26.054.761.254	14.867.800.808
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	752.408.330	12.622.781.134
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	58.545.847	51.089.664
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2.743.762.701)	(2.115.138.005)
IV. Hàng tồn kho	140		13.445.570.149	11.543.464.158
1. Hàng tồn kho	141	V.05	13.445.570.149	11.543.464.158
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.693.792.609	9.771.468.974
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.508.528.165	9.596.197.018
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.06	103.314.444	93.321.956
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	81.950.000	81.950.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		471.011.028.504	260.248.041.836
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II- Tài sản cố định	220		467.728.128.504	256.954.451.836
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	43.891.813.400	50.404.618.478
- Nguyên giá	222		138.008.728.598	138.975.382.461
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(94.116.915.198)	(88.570.763.983)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	423.836.315.104	206.549.833.358
III- Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.199.000.000	3.199.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	3.199.000.000	3.199.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		83.900.000	94.590.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	0	52.190.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	83.900.000	42.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		521.092.416.742	309.896.882.851

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		465.990.862.952	257.197.748.880
1. Nợ ngắn hạn	310		127.575.697.681	80.954.804.170
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	22.701.031.714	14.712.921.195
2. Phải trả người bán	312	V.14	96.988.458.106	55.904.910.765
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	415.734.172	1.340.663.050
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.604.066	456.627.827
5. Phải trả người lao động	315		993.195.151	1.063.452.247
6. Chi phí phải trả	316	V.17	165.335.547	826.623.547
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6.304.420.880	6.533.179.494
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(1.081.955)	116.426.045
II- Nợ dài hạn	330		338.415.165.271	176.242.944.710
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	338.415.165.271	175.649.683.450
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	0	593.261.260
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		55.101.553.790	52.699.133.971
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	55.101.553.790	52.699.133.971
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.389.990.000	54.390.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.000.000	85.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.117.410.786	3.117.410.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		852.159.089	852.159.089
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.343.006.085)	(5.745.435.904)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		521.092.416.742	309.896.882.851

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195

Fax: 025 3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số: B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	110.796.736.210	135.565.315.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	34.978.700	19.872.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.24	110.761.757.510	135.545.443.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	99.670.159.591	125.404.795.674
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.091.597.919	10.140.647.326
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	90.842.988	33.575.815
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	3.930.590.846	3.670.566.197
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.930.590.846	3.670.566.197
8. Chi phí bán hàng	24	VI.28	4.690.485.051	6.339.915.695
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	4.566.106.099	6.137.798.163
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.004.741.089)	(5.974.056.914)
11. Thu nhập khác	31	VI.30	409.090.908	233.088.945
12. Chi phí khác	32	VI.31	1.920.000	0
13. Lợi nhuận khác	40		407.170.908	233.088.945
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.597.570.181)	(5.740.967.969)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.32	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.597.570.181)	(5.740.967.969)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195

Fax: 025 3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số: B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	101.609.950.000	137.923.705.218
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(101.859.766.800)	(42.659.460.729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.807.312.473)	(15.893.606.755)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.591.878.846)	(4.497.176.197)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(205.858.107)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.915.144.408	10.359.993.817
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30.207.053.418)	(9.840.330.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.940.917.129)	75.187.266.879
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại TSDH khác	21	(147.399.900.639)	(202.748.854.447)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	409.090.908	27.272.727
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.842.988	33.575.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(146.899.966.743)	(202.688.005.905)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	3.999.990.000	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	221.872.612.622	190.244.816.422
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(51.119.020.282)	(63.621.936.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	174.753.582.340	126.622.879.822
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.912.698.468	(877.859.204)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.907.374.282	3.785.233.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.820.072.750	2.907.374.282

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xi măng và Xây dựng Công trình Lạng Sơn theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 21/07/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần, mã doanh nghiệp số: 4900102650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 28/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/07/2010.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (mã ngành 2394); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói (mã ngành 2392); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (mã ngành 0810); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (mã ngành 0990); Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (mã ngành 2395); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (mã ngành 4663); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô (mã ngành 4933); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (mã ngành 4210); Xây dựng công trình dân dụng khác (mã ngành 4290); Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 36KV (mã ngành 4321); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã ngành 4659); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (mã ngành 5510); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810).

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2011: 58.389.990.000 đồng

Cơ cấu vốn điều lệ: - Vốn nhà nước: 25.427.880.000 đồng, chiếm 43,55%

- Vốn góp của các cổ đông khác: 32.962.110.000 đồng, chiếm 56,45%

Công ty có trụ sở chính tại: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Công ty có 01 chi nhánh là : Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản Hồng Phong, có địa chỉ tại xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm 2011, Công ty không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty không có loại hàng hoá, vật tư nào cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

- ❖ Nhà cửa, vật kiến trúc: 10 - 25 năm
- ❖ Máy móc thiết bị: 05 - 08 năm
- ❖ Phương tiện vận tải truyền dẫn: 06 - 08 năm
- ❖ Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 - 08 năm

Từ năm 2010 và cho các năm tiếp theo, Công ty thay đổi khung trích khấu hao đối với nhà của vật kiến trúc của nhà máy xi măng Hồng Phòng từ 7 năm lên 12 năm; Nhà làm việc văn phòng Công ty từ 20 năm lên 25 năm; Nhà của vật kiến trúc nhà máy xi măng Lạng Sơn từ 7 năm lên 15 năm; Các loại phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thay đổi khung trích khấu hao từ 6 năm lên 10 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay trong kỳ được xác định theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí phát sinh trong năm nay nhưng có liên quan và được phân bổ dần vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Các khoản chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm: Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn. Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại được phân bổ đều trong 3 năm kể từ năm ghi nhận chi phí đầu tiên.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, Quỹ trợ cấp mất việc làm:

7.1 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn.

7.2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ từ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Năm 2011, Công ty không trích quỹ dự phòng mất việc làm.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh là tổng các khoản chi phí về trả lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua phát sinh trong kỳ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số : B09-DN

Năm 2011, Công ty được hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh tại nhà máy xi măng Lạng Sơn. Đối với thu nhập phát sinh từ nhà máy xi măng Hồng Phong, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 15% trong thời gian 12 năm kể từ khi dự án Nhà máy xi măng Hồng Phong đi vào hoạt động. Được miễn 03 năm thuế TNDN kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 08 năm tiếp theo (*theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 481/UBND-KT ngày 02/08/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*).

14. Các loại thuế khác

Tiền thuê đất, thuế môn bài, phí và lệ phí Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo qui định của Nhà nước.

Công ty được miễn 13 năm tiền thuê đất trên diện tích đất sử dụng để sản xuất kinh doanh khi thực hiện dự án Nhà máy xi măng Hồng Phong.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*Mẫu số : B09-DN***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt VND	979.602.750	724.290.355
Tiền gửi Ngân hàng VND	4.840.470.000	2.183.083.927
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>48.322.284</i>	<i>1.632.336</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>4.792.147.716</i>	<i>2.181.451.591</i>
Cộng	<u>5.820.072.750</u>	<u>2.907.374.282</u>

02. Phải thu khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn (*)	26.054.761.254	14.867.800.808
Cộng	<u>26.054.761.254</u>	<u>14.867.800.808</u>

*Chi tiết tại phụ lục số 01***03. Trả trước cho người bán**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH nhà nước MTV Xây lắp hóa chất Hà Bắc	0	2.620.519.100
Công ty Điện lực Lạng Sơn	19.896.000	0
Công ty CP Cơ khí XD số 2 Hà Bắc	0	1.665.720.373
Công ty CP Tư vấn ĐTXD và môi trường	346.286.000	346.286.000
Công ty Kiểm toán&Tư vấn Thăng Long T.D.K	168.300.000	168.300.000
Trung tâm kiểm định chất lượng CTXD Lạng Sơn	41.792.000	41.792.000
BiCông ty Bảo hiểm BIDV chi nhánh Đông Bắc	30	30
Công ty CP ĐT & XD số 18.3	0	1.055.054.832
Trung tâm lưu ký chứng khoán VN	5.000.000	
Công ty CP Công nghiệp XD 204	0	4.627.148.600
Công ty cổ phần Lisemco 2	0	2.097.960.199
Công ty CP Xi măng Đồng Bành	9.067.900	0
Công ty LICOGI (Ông Nguyễn)	2.066.400	0
Công ty CP ĐT và TKXD Năm Châu	160.000.000	0
Cộng	<u>752.408.330</u>	<u>12.622.781.134</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Lưu Phương Hồng	5.000.000	5.000.000
Hoàng Văn Vượng - Chủ tịch UBND HP	9.000.000	9.000.000
Nguyễn Văn Hà - Tập thể HP	82.000	892.000
Công ty Đường Bộ 230	20.800.000	20.800.000
Lương Minh Nhuận - BH Con Người	595.000	595.000
Công ty Cổ phần COMA2	5.740.000	5.740.000
Nhuận - Thu tiền mua cổ phần năm 2008	1.500.000	1.500.000
Thu tiền thuế TNCN	1.318.833	3.031.664
Tiền điện phải thu Khách sạn Thanh Bình	3.498.000	0
Tiền điện của CBCNV nhà máy và hộ dân Hồng Phong	11.012.000	4.531.000
Điều chỉnh thuế GTGT do làm tròn số	14	0
Cộng	58.545.847	51.089.664

05. Hàng tồn kho

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.663.724.861	1.287.944.040
Công cụ, dụng cụ	3.563.882.068	4.840.852.870
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.221.699.798	4.316.561.956
Thành phẩm	2.971.229.922	1.098.105.292
Hàng hoá	25.033.500	0
Cộng giá gốc hàng tồn kho	13.445.570.149	11.543.464.158

06. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Thuế TNDN nộp thừa	93.321.956	93.321.956
Thuế tài nguyên	9.992.488	0
Cộng	103.314.444	93.321.956

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****07. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tạm ứng	81.950.000	81.950.000
Vũ Thế Hùng	20.000.000	20.000.000
Đoàn Thị Yến	4.000.000	4.000.000
Lê Hải Hậu	1.500.000	1.500.000
Trần Xuân Dũng	7.950.000	7.950.000
Nguyễn Đức Phụ	8.000.000	8.000.000
Vũ Đức Quý	5.000.000	5.000.000
Âu Thị Kim	5.000.000	5.000.000
Nguyễn Anh Dũng	30.500.000	30.500.000
Cộng	<u>81.950.000</u>	<u>81.950.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN***08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	71.712.361.677	61.264.463.524	5.484.398.880	514.158.380	138.975.382.461
- Mua trong năm		458.775.185			458.775.185
- Đầu tư XDCB hoàn thành					0
- Tăng khác					0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán			1.425.429.048		1.425.429.048
- Giảm khác					0
Số dư cuối kỳ	71.712.361.677	61.723.238.709	4.058.969.832	514.158.380	138.008.728.598
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	35.514.942.168	47.867.998.601	4.737.933.368	449.889.846	88.570.763.983
- Khấu hao trong năm	3.515.920.896	3.344.658.171	97.607.518	13.393.678	6.971.580.263
- Tăng khác					0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán			(1.425.429.048)		(1.425.429.048)
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	39.030.863.064	51.212.656.772	3.410.111.838	463.283.524	94.116.915.198
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	36.197.419.509	13.396.464.923	746.465.512	64.268.534	50.404.618.478
- Tại ngày cuối năm	32.681.498.613	10.510.581.937	648.857.994	50.874.856	43.891.813.400

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 57.800.902.261 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*Mẫu số : B09-DN***09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí XDCCB dở dang	423.836.315.104	206.549.833.358
<i>Xây dựng các hạng mục tại Nhà máy xi măng công nghệ lò quay công suất 350.000 tấn/năm tại Hồng Phong</i>	<i>423.836.315.104</i>	<i>206.549.833.358</i>
Cộng	<u>423.836.315.104</u>	<u>206.549.833.358</u>

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Đầu tư dài hạn khác	3.199.000.000	3.199.000.000
<i>Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành</i>	<i>3.199.000.000</i>	<i>3.199.000.000</i>
Cộng	<u>3.199.000.000</u>	<u>3.199.000.000</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Giá trị chờ phân bổ của CCDC xuất dùng, sửa chữa TSCĐ	0	52.190.000
Cộng	<u>0</u>	<u>52.190.000</u>

12. Tài sản dài hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	83.900.000	42.400.000
<i>Ký quỹ cải tạo môi trường</i>	<i>83.900.000</i>	<i>42.400.000</i>
Cộng	<u>83.900.000</u>	<u>42.400.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	22.701.031.714	14.712.921.195
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn ⁽¹⁾	19.951.031.714	14.712.921.195
Bà Nguyễn Thị Tiến ⁽²⁾	1.500.000.000	0
Bà Hoàng Thị Minh Hằng ⁽³⁾	550.000.000	0
La Đức Cường ⁽⁴⁾	200.000.000	0
Vũ Đình Phúc ⁽⁵⁾	200.000.000	0
Trần Thị Mai ⁽⁶⁾	200.000.000	0
Hoàng Tuấn Anh ⁽⁷⁾	100.000.000	0
Cộng	<u>22.701.031.714</u>	<u>14.712.921.195</u>

⁽¹⁾Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐ ngày 05/07/2011; Vay thường xuyên mức dư nợ tối đa 20 tỷ đồng; Thời hạn vay từ 05/07/2011 đến 30/06/2012; Lãi suất xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

⁽²⁾Hợp đồng huy động vốn số 01/HĐVV ngày 22/09/2011; Số tiền vay 1,5 tỷ đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất 16,5%/năm; Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả một lần khi đến hạn thanh toán.

⁽³⁾Hợp đồng huy động vốn số 02/HĐVV ngày 29/09/2011, Số tiền vay 250 triệu đồng; Hợp đồng huy động vốn số 07/HĐVV ngày 04/11/2011, Số tiền vay 300 triệu đồng; Các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 16,5%/năm; Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả một lần khi đến hạn thanh toán.

⁽⁴⁾Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐVV ngày 29/09/2011; Số tiền vay 200 triệu đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất 16,5%/năm; Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả một lần khi đến hạn thanh toán.

⁽⁵⁾Hợp đồng huy động vốn số 04/HĐVV ngày 29/09/2011; Số tiền vay 200 triệu đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất 16,5%/năm; Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả một lần khi đến hạn thanh toán.

⁽⁶⁾Hợp đồng huy động vốn số 05/HĐVV ngày 03/10/2011; Số tiền vay 200 triệu đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất 16,5%/năm; Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả một lần khi đến hạn thanh toán.

⁽⁷⁾Hợp đồng huy động vốn số 07/HĐVV ngày 16/11/2011; Số tiền vay 100 triệu đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất 16,5%/năm; Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả một lần khi đến hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****14. Phải trả người bán**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	96.988.458.106	55.904.910.765
<i>Công ty TNHH Hoàn Hảo</i>	423.192.000	428.413.590
<i>Chi nhánh Công ty TNHH nhà nước MTV Xây lắp hóa chất Hà Bắc</i>	10.497.070.700	0
<i>Công ty KD than Bắc Lạng</i>	1.246.680.156	0
<i>Công ty CP SX&TM Nguyễn, Hà Nội</i>	868.560.000	237.611.270
<i>Chi nhánh Xăng Dầu Lạng Sơn</i>	447.841.303	308.782.780
<i>Công ty CP Cơ khí XD số 2 Hà Bắc</i>	3.338.941.561	0
<i>Công ty TNHH Xuân Huy</i>	27	137.015.219
<i>Công ty cổ phần cơ điện Sơn Tây</i>	1.254.165.000	0
<i>Công ty TNHH cơ khí đúc Hồng Hà</i>	224.840.000	0
<i>Công ty CP Tư vấn XDCT vật liệu XD</i>	1.385.949.341	2.190.888.341
<i>Công ty TNHH Vật tư Tây Bắc</i>	1.386.240.000	430.865.000
<i>HTX Bốc xếp Tân Lập</i>	58.915.682	125.719.548
<i>Công ty CP chế biến khoáng sản Lạng Sơn</i>	0	40.666.248
<i>Tổng công ty máy & TBCN (MIE)</i>	44.696.054.375	50.259.353.364
<i>Công ty TNHH nhà nước MTV khảo sát & XD</i>	839.012.700	0
<i>Công ty CP bảo trì lò Việt nam</i>	3.124.240.000	0
<i>Công ty CP CONINCO máy XD&CTCN</i>	19.879.900	19.879.900
<i>Công ty CP & xử lý nền móng công trình</i>	697.268.050	1.111.090.500
<i>Công ty TNHH MTV Tiến Tâm</i>	377.331.394	614.625.005
<i>Công ty CP ĐT & XD số 18.3</i>	5.430.055.826	0
<i>Công ty CP Công nghiệp XD 204</i>	3.581.950.600	0
<i>Công ty cổ phần Lisemco 2</i>	16.052.654.131	0
<i>Công ty TNHH MTV Bình Huy</i>	102.981.560	0
<i>Công ty CP Tư vấn XD & DV Hàng Không</i>	417.752.200	0
<i>Công ty CP XD & TM Bắc Việt</i>	297.553.600	0
<i>Công ty CP LILAMA 69-1 Phả Lại</i>	219.328.000	0
Cộng	<u>96.988.458.106</u>	<u>55.904.910.765</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****15. Người mua trả tiền trước**

	Cuối năm	Đầu năm
CTCPXL Điện & ĐTXD - Lạng Sơn	230.933.910	0
Công ty TNHH Chi Lăng - TP Lạng Sơn	9.754.800	0
Công ty CP TM Lạng Sơn - Hoàng Hữu An VQ	34.228.453	0
Công ty CP Việt Quang	1.830.300	1.830.300
Công ty CP XD Giao Thông 1- Hà Nội	1.667.594	1.667.594
Công ty CP Hoàng Hà (Dệt May XK Việt Linh)	2.726.419	618
Công ty TNHH Đức Thắng	0	142.246.000
Công ty TNHH Khánh Linh	1.702.240	1.702.240
Công ty TNHH MTV Xe đạp điện Đào Khôi	43.229.600	0
DNTN TM Nguyễn Trung, TP Lạng Sơn	19.614.540	0
Chi nhánh Công ty Thái Dương tại Lạng Sơn	0	36.766.260
Trung đoàn 219 Quân đoàn 2	27.462.400	300.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Tây Hồ	32.102.017	14.987.500
Công ty Việt Bắc - BQP	0	229.658.516
Công ty TNHH Hà Sơn - TP. Lạng Sơn	0	44.711.340
Công ty CP Hưng Sơn - Hà Nội	0	1.153.494
Công ty CP Thương mại Long Thịnh	0	329.026.000
Công ty TNHH Phương Linh	1.442.300	1.442.300
CT TNHH MTV Quỳnh Trâm	0	226.322.262
Công ty XD và Chuyển giao CN Thủy Lợi	1.036.970	0
Các khoản trả trước nhỏ lẻ khác	8.002.629	9.148.626
Cộng	415.734.172	1.340.663.050

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Cuối năm	Đầu năm
16.1. Thuế phải nộp Nhà nước	2.364.066	440.920.127
Thuế giá trị gia tăng	0	385.036.769
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	41.096.118
Các loại thuế khác	2.364.066	14.787.240
16.2. Các khoản phải nộp khác	6.240.000	15.707.700
Phí và lệ phí	6.240.000	15.707.700
Cộng	8.604.066	456.627.827

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****17. Chi phí phải trả**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	165.335.547	826.623.547
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>165.335.547</i>	<i>826.623.547</i>
Cộng	<u>165.335.547</u>	<u>826.623.547</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	33.492.765	35.528.163
Bảo hiểm xã hội	0	84.132.995
Phải trả về cổ phần hóa	6.004.524.166	6.004.524.166
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	110.000.000
<i>Đặt tiền bảo lãnh dự thầu</i>	<i>0</i>	<i>110.000.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	266.403.949	298.994.170
<i>Ông Hira Văn Sơn (đền bù giải phóng mặt bằng)</i>	<i>42.921.640</i>	<i>42.921.640</i>
<i>Thu hộ cơ quan thuế</i>	<i>0</i>	<i>1.980.000</i>
<i>Quỹ ủng hộ đền ơn đáp nghĩa, GTNT</i>	<i>43.254.000</i>	<i>43.254.000</i>
<i>Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL Chi nhánh Lạng Sơn</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
<i>Đội xe giao khoán</i>	<i>0</i>	<i>24.511.484</i>
<i>Ông Hải – Xi nghiệp khai thác khoáng sản Hồng Phong</i>	<i>178.728.309</i>	<i>174.558.028</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>0</i>	<i>10.269.018</i>
Cộng	<u>6.304.420.880</u>	<u>6.533.179.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
19.1. Vay dài hạn	338.415.165.271	175.649.683.450
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn ⁽⁸⁾	338.415.165.271	175.649.683.450
Cộng	<u>338.415.165.271</u>	<u>175.649.683.450</u>

⁽⁸⁾Vay phục vụ Dự án chuyển đổi công nghệ lò quay công suất 350.000 tấn xi măng/năm. Hợp đồng tín dụng số 9999/2009/HĐ ngày 20/05/2009:

- Trong khoảng thời gian từ ngày ký hợp đồng đến ngày hết hạn rút vốn BIDV cấp cho bên vay (gồm cả lãi nhập gốc trong thời gian thi công) tối đa bằng 398.000.000.000 đồng. Cụ thể gồm 216.180.246.000 VND và 10.454.599 USD.

- Lãi suất cho vay bằng Đô la Mỹ (USD) được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV Chi nhánh Lạng Sơn cộng phí tối thiểu 3%/năm, lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam (VND) được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV Chi nhánh Lạng Sơn cộng phí tối thiểu 3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần vào các ngày mùng 10 của các tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm.

- Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn gốc là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện	0	593.261.260
Tại nhà máy xi măng Lạng Sơn	0	357.149.360
Tại nhà máy xi măng Hồng Phong	0	236.111.900
Cộng	<u>0</u>	<u>593.261.260</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN***14. Vốn chủ sở hữu****14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	49.000.000.000	85.000.000	3.117.410.786	220.000.000	6.321.590.880	58.744.001.666
- Tăng vốn trong năm trước	5.390.000.000					5.390.000.000
- Lãi trong năm trước						0
- Tăng khác				632.159.089		632.159.089
- Giảm vốn trong năm trước						0
- Lỗ trong năm trước					(5.740.967.969)	(5.740.967.969)
- Giảm khác					(6.326.058.815)	(6.326.058.815)
Số dư cuối năm trước	54.390.000.000	85.000.000	3.117.410.786	852.159.089	(5.745.435.904)	52.699.133.971
Số dư đầu năm nay						
- Tăng vốn trong năm	4.000.000.000					4.000.000.000
- Lãi trong năm					(1.597.570.181)	(1.597.570.181)
- Tăng khác						0
- Giảm vốn trong năm						0
- Lỗ trong năm						0
- Giảm khác	(10.000)					(10.000)
Số dư cuối năm	58.389.990.000	85.000.000	3.117.410.786	852.159.089	(7.343.006.085)	55.101.553.790

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****21. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vốn góp của nhà nước	25.427.880.000	22.908.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	32.962.110.000	31.482.000.000
Cộng	<u>58.389.990.000</u>	<u>54.390.000.000</u>

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Vốn góp đầu năm	54.390.000.000	49.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	4.000.000.000	5.390.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	10.000	0
+ Vốn góp cuối năm	58.389.990.000	54.390.000.000

Vốn góp trong năm tăng 4.000.000.000đ từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ

21.3 Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	3.117.410.786	3.117.410.786
Quỹ dự phòng tài chính	852.159.089	852.159.089
Cộng	<u>3.969.569.875</u>	<u>3.969.569.875</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*Mẫu số : B09-DN***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***22. Doanh thu**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng	107.526.973.222	132.269.926.966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.269.762.988	3.295.388.034
Cộng	110.796.736.210	135.565.315.000

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hàng bán bị trả lại	34.978.700	19.872.000
Cộng	34.978.700	19.872.000

24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu thuần về bán hàng	107.491.994.522	132.250.054.966
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	3.269.762.988	3.295.388.034
Cộng	110.761.757.510	135.545.443.000

25. Giá vốn hàng bán

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	96.548.029.093	121.751.134.822
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.122.130.498	3.653.660.852
Cộng	99.670.159.591	125.404.795.674

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*Mẫu số : B09-DN***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi tài khoản thanh toán	61.806.233	33.575.815
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	29.036.755	0
Cộng	<u>90.842.988</u>	<u>33.575.815</u>

27. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	3.930.590.846	3.670.566.197
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>3.816.401.805</i>	<i>3.670.566.197</i>
Lãi vay cá nhân	114.189.041	0
Cộng	<u>3.930.590.846</u>	<u>3.670.566.197</u>

28. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	316.042.787	363.900.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	976.253.836	1.832.301.300
Chi phí bằng tiền khác	3.398.188.428	4.143.713.448
Cộng	<u>4.690.485.051</u>	<u>6.339.915.695</u>

29. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.619.082.227	1.802.539.148
Chi phí vật liệu quản lý	36.289.781	95.519.155
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.901.546	122.018.229
Chi phí khấu hao TSCĐ	112.829.317	306.971.232
Thuế phí và lệ phí	231.197.780	289.913.344
Chi phí dự phòng	628.624.696	815.262.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.300.000	23.000.000
Chi phí bằng tiền khác	1.729.880.752	2.682.574.772
Cộng	<u>4.566.106.099</u>	<u>6.137.798.163</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****30. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán tấm lót, bi thải	0	198.938.630
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	409.090.908	27.272.727
Thu tiền nước các hộ tập thể	0	6.777.504
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	0	100.084
Cộng	<u><u>409.090.908</u></u>	<u><u>233.088.945</u></u>

31. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế GTGT phải nộp xuất trả đầu cab M120 mua của Công ty CP Thiết bị điện Công nghiệp Hà Nội.	1.920.000	0
Cộng	<u><u>1.920.000</u></u>	<u><u>0</u></u>

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.597.570.181)	(5.740.967.969)
2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	0	0
3. Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	0	0
4. Số lỗ chưa sử dụng (Lỗ năm trước còn được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	0	0
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (5=1-2+3-4)	(1.597.570.181)	(5.740.967.969)
6. Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	0	0
7. Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	1.597.570.181	5.740.967.969
8. Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau.	7.338.538.150	5.740.967.969

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****33 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
33.1 Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.966.346.209	67.117.789.602
33.2 Chi phí nhân công	11.627.648.461	20.626.393.823
33.3 Chi phí khấu hao TSCĐ	6.971.580.263	6.679.052.656
33.4 Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.354.659.469	15.855.884.755
33.5 Chi phí khác bằng tiền	26.617.997.438	30.464.055.253
Cộng	<u>107.538.231.840</u>	<u>140.743.176.089</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<i>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</i>			
Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	10%	16%
- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	90%	84%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89%	83%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	11%	17%
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,12	1,20
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,29	0,47

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3 870 195

Fax: 025.3 872 957

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**Mẫu số : B09-DN****2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long T.D.K, số liệu được phân loại lại một số chỉ tiêu cho phù hợp.

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2011	Ngày 31/12/2010	Chênh lệch
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(2.115.138.005)	0	(2.115.138.005)
Dự phòng phải thu dài hạn	0	(2.115.138.005)	2.115.138.005

Người lập biểu**Kế toán trưởng***Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2012***Giám đốc****Phạm Quỳnh Phú****Hà Thị Mai****Nguyễn Bình Sơn**